



## BẢN TIN THAN NGÀY

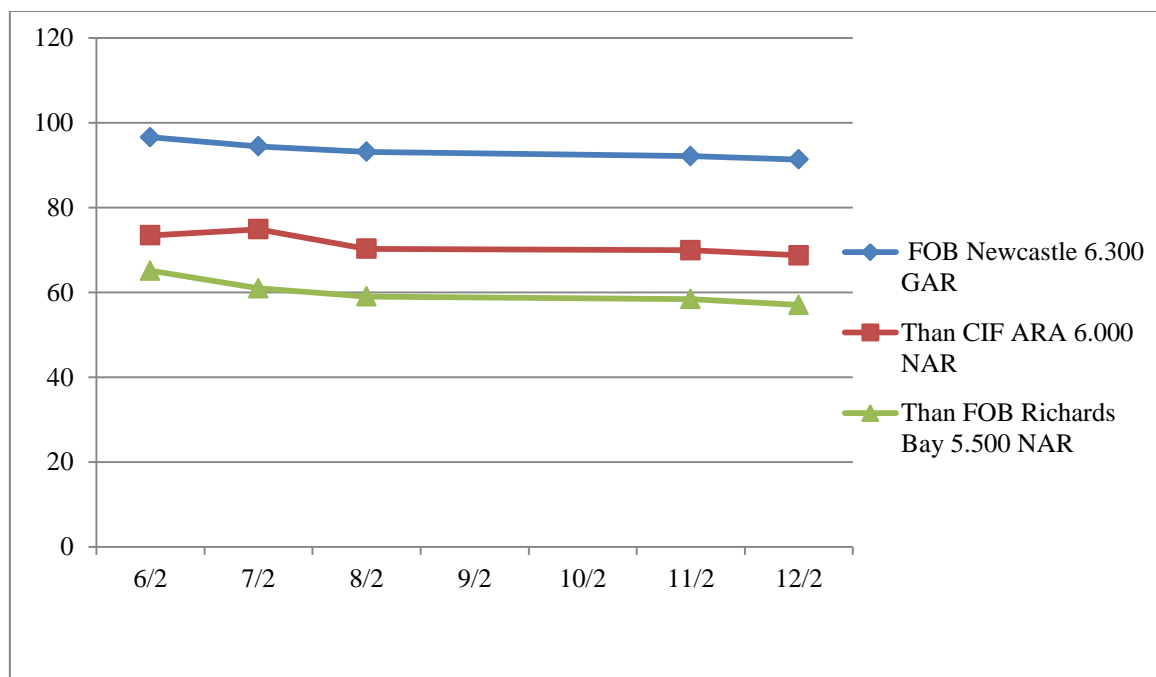
Ngày 15/2/2019

### CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Theo chuyên	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	91,35	-0,80	N/A	N/A
CIF ARA 6.000 NAR	68,75	-1,20	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	57,05	-1,40	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	71,20	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A </td <td>54,85</td> <td>+0,00</td>	54,85	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	41,40	+0,20	279,58	+0,86
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	61,20	+0,20	413,29	+0,62
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	69,00	-0,50	465,96	-4,21

### GIÁ THEO CHUYÊN CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2019



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 12/2/2019)

## **ĐIỂM TIN**

### **Khối lượng than vận chuyển của India Railways từ tháng 4/2018 đến tháng 1/2019 tăng 9% so với năm ngoái**

Indian Railways đã vận chuyển 494,91 triệu tấn than trong giai đoạn từ tháng 4/2018 đến tháng 1/2019, tăng 9% so với cùng kỳ năm ngoái, dữ liệu đưa ra vào thứ 4 (6/2) bởi Tổng cục Thống kê và Kinh tế. Trong tổng khối lượng than được vận chuyển, 85,35 triệu tấn là than nhập khẩu, tăng 10,8% so với năm ngoái, trong khi 409,56 triệu tấn than là than nội địa, tăng 9% so với năm ngoái.

Khối lượng than nội địa vận chuyển đến các NMNĐ tăng 4% lên mức 191,66 triệu tấn than trong 10 tháng đầu năm tài chính (3/2018-4/2019), trong khi lượng than nhập khẩu tới các nhà máy này đạt 17,70 triệu tấn, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm trước. Lượng than vận chuyển đến các nhà máy luyện thép giảm 10,8% xuống còn 11,88 triệu tấn trong khi lượng than nhập khẩu đạt 36,91 triệu tấn, tăng 11,7% so với năm ngoái.

Trong khi đó lượng than nội địa vận chuyển cho các hộ tiêu dùng khác tăng 15% lên 205,94 triệu tấn trong giai đoạn 10 tháng. Lượng than nhập khẩu cung cấp đến các hộ tiêu dùng khác tăng 4,5% lên 30,74 triệu tấn. Nếu tính theo tháng, tập đoàn này đã vận chuyển 53,43 triệu tấn than trong tháng 1, tăng 4% so với cùng kỳ năm ngoái. Than chiếm khoảng 50% khối lượng hàng vận chuyển của Indian Railways.

### **Nhập khẩu than của Trung Quốc trong tháng 1 đạt 33,5 triệu tấn**

Tổng lượng than nhập khẩu của Trung Quốc trong tháng 1 đã đạt 33,5 triệu tấn, tăng gấp ba lần so với khối lượng 10,23 triệu tấn trong tháng 12/2018, theo dữ liệu từ Tổng cục Hải quan Trung Quốc (14/2). Trong tháng 1/2018, cả nước đã nhập khẩu 27,81 triệu tấn than. Lượng than nhập khẩu tăng mạnh trong tháng 1 do các quy định kiểm soát nhập khẩu ngặt nghèo trong tháng 12 đã được gỡ bỏ. Quy định kiểm soát nhập khẩu đã được áp dụng cuối năm ngoái khi Trung Quốc đã cố gắng kiểm soát lượng than nhập khẩu. Trung Quốc đã đặt mục tiêu giữ khối lượng than nhập khẩu năm 2018 tương đương với năm 2017 ở mức 271 triệu tấn. Tuy nhiên theo dữ liệu Hải quan, khối lượng thực tế vẫn vượt quá mục tiêu lên mức 281,23 triệu tấn, tăng 3,9% so với năm 2017.

Một công ty thương mại của Singapore cho biết: “Lượng than nhập khẩu tăng mạnh chủ yếu do việc nới lỏng quy định kiểm soát nhập khẩu trong tháng 1, hoạt động nhập khẩu trong tháng 12 đã bị hạn chế tối đa”. Tổng giá trị nhập khẩu trong tháng 1 đạt 19,31 tỷ NDT (tương đương 2,86 tỷ USD), trong khi giá trị nhập khẩu trong tháng 12 đạt 5,09 tỷ NDT. Một công ty thương mại Trung Quốc cho biết: “Dữ liệu cho thấy giá than nhìn chung đã tăng trong tháng 1, và thực tế giá than 3.800 kcal/kg NAR đã tăng khá nhiều kể từ đầu năm”. Giá than Kalimantan 4.200 kcal/kg GAR (3.800 kcal/kg NAR), điều kiện FOB ở mức 35,50 USD/tấn vào thứ 4 (13/2), tăng từ 29,25 USD/tấn đầu tháng 12. Ngoại trừ dầu, khối lượng các mặt hàng nhập khẩu của Trung Quốc đều cao hơn so với tháng 12, các nhà nghiên cứu ANZ trong thứ 5 (14/2) cho biết: “Khách hàng mong muốn tận dụng lợi thế giá thấp trong tháng 12 và đầu tháng 1 để khẩn trương dự trữ than trước kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán diễn ra trong tháng 2”.

### **Glencore báo cáo sản lượng than trong ngắn hạn bị ảnh hưởng bởi lũ lụt tại Australia**

Đại diện của Glencore trong thứ 3 (5/2) cho biết sản lượng than trong ngắn hạn sẽ bị ảnh hưởng bởi mưa lớn tại Bắc Queensland, Australia. Hai mỏ than của Glencore ở miền Bắc Australia đã bị ảnh hưởng bởi lũ lụt. Tập đoàn cho biết: “Sản lượng than trong ngắn hạn đã bị ảnh hưởng bởi mưa lớn tại hai mỏ than khu vực miền Bắc, Collinsville và Newlands”. Glencore đã từ chối bình luận về các khu vực khác bị ảnh hưởng bởi bão lụt, bao gồm cảng Abbot Point, đã phải đóng cửa do lũ lụt. Số lượng tàu ra vào cảng đã giảm trong tuần 3 tháng 1. Ba tàu đã cập cảng trong tuần cuối tháng 1, theo dữ liệu từ phần mềm theo dõi cFlow của Platts, so với con số tám tàu trong tuần trước đó, trong khi năm tàu rời cảng trong tuần đầu tháng 2, giảm từ con số bảy tàu tuần trước đó. Cảng Abbot Point, sở hữu bởi North Queensland Bulk Ports, đã phải đóng cửa hai ngày trong tháng 12 do cơn bão Owen. Cảng có công suất trung bình 27,99 triệu tấn/năm tương đương 76,684 triệu tấn/ngày, trong năm ngày đóng cửa cảng đã mất tới 382.420 tấn than.

## CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIÊN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn
				Thay đổi
<b>Capesize</b> (150.000 tấn)	Australia	Trung Quốc	6,15	+0,15
	Queensland	Nhật Bản	6,75	+0,15
	New South Wales	Hàn Quốc	7,60	+0,15
<b>Panamax</b> (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	7,65	+0,05
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	8,55	+0,15
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	10,00	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	6,00	+0,00
	Australia	Trung Quốc	9,85	+0,00
	Australia	Ấn Độ	11,00	+0,00

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 12/02/2019)